TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** TỈNH BT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-01-2025
V/v: *"Ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn T.

Ông Phạm Gia A.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 315/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị A - Sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp PQ, xã VH, huyện CL, tỉnh BT. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Huỳnh Anh T - Sinh năm 1964; Địa chỉ: ấp PQ, xã VH, huyện CL, tỉnh BT. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, nguyên đơn bà Trần Thị A trình bày:

Vào năm 1994, bà Nguyễn Thị A và ông Huỳnh Anh T có tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH ngày 20/12/1996. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà A cho rằng ông T có hành vi đánh đập bà và ông bà là đã sống thân 1 năm nay, bà đã bỏ nhà đi làm ăn nay được 6 tháng, ông T không có ý kiến hay điện thoại trao đổi hàn gắn gia đình.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc với ông T, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà A cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Anh T và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: gồm có 2 người con chung tên Huỳnh Anh H1, sinh ngày 18/8/1995 và Huỳnh Như Y., sinh ngày 16/11/2001, đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Do công việc đi làm ăn xa, đi lại khó khăn, bà A đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Tại đơn gửi qua đường bưu điện ngày 25/10/2024 và tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Anh T trình bày:

Về hôn nhân: ông T và bà A tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì ông không đồng tình với bà A, tuy nhiên hai vợ chồng đã sống ly thân, nay nếu vợ ông cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: ông T và bà A có chung 2 người con tên Huỳnh Anh H1, sinh ngày 18/8/1995 và Huỳnh Như Y., sinh ngày 16/11/2001, học đại học vừa ra trường và xin được việc làm ở thành phố, đều chưa có gia đình. Ông T yêu cầu bà A muốn ly hôn thì phải có ý kiến của hai người con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Trần Thị A yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Anh T có địa chỉ tại ấp PQ, xã VH, huyện CL, tỉnh BT. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn" được Tòa án xem xét giải quyết và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện CL theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị A có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà A phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị A và ông Huỳnh Anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện CL, tỉnh BT vào ngày 20/12/1996 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà A cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T được hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng bà có hành vi đánh đập vợ, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, bà đã bỏ đi làm ăn và hai vợ chồng đã sống ly thân 01 năm nay nên bà A cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Còn ông T cho rằng vì còn thương vợ và con, mong muốn con phải có cha mẹ. Tuy nhiên, nay bà A cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà A và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ly hôn là

cách để giải thoát cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà A và ông T có tạo ra 02 người con chung tên 2 người con tên Huỳnh Anh H1, sinh ngày 18/8/1995 và Huỳnh Như Ý, sinh ngày 16/11/2001. Ông T yêu cầu bà A cần phải báo cho hai người con biết việc bà nộp đơn ly hôn. Nhận thấy, bà A và ông T đều là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và hôn nhân giữa bà A và ông T không liên quan đến hai người con chung, hơn nữa hai người con đều đã trưởng thành, đủ khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: bà A và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: bà A và ông T khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết và cũng không ai có ý kiến yêu cầu gì nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 264, 265, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị A đối với ông Huỳnh Anh T. Cụ thể tuyên:

Bà Trần Thị A được ly hôn với ông Huỳnh Anh T.

Bà Trần Thị A và ông Huỳnh Anh T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: bà Trần Thị A và ông Huỳnh Anh T có tạo ra 02 người con chung tên Huỳnh Anh H1, sinh ngày 18/8/1995 và Huỳnh Như Ý, sinh ngày 16/11/2001, đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Buộc bà Trần Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003395 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT, bà A đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Ông T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03/01/2025). Bà A vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện CL;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện CL;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên và ghi họ tên